

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HSST
Ngày 23 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Sơn - Chức vụ: Giám đốc ngân hàng chính sách xã hội huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

2. Ông Triệu Tiến Quang - Chức vụ: Bí thư Đảng ủy xã Bản Phùng huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang - Nguyên Bí thư huyện đoàn Hoàng Su Phì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST- HS ngày 25 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐ-TA ngày 18 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ-TA ngày 10 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

*** MIN SỬ H** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 05 tháng 12 năm 1998 tại huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; số thẻ căn cước công dân: 002098000xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/4/2021; nơi đăng ký HKTT: Thôn 2 P, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn 2 P, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Cờ Lao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Min Phà T1, sinh năm 1975 và bà Pờ Thị T2, sinh năm 1975; vợ: Cháng Thị D; con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

- Bị hại: Anh Triệu Dùn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B,

tỉnh Hà Giang (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Min Phà T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 2 P, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang. (*Có mặt*).

+ Châu Min Sử V, sinh năm 2009; địa chỉ: Thôn 2 P, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang. (*Có mặt*).

- *Người đại diện hợp pháp cho Min Sử V:* Ông Min Phà T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 2 P, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang. (*Có mặt*).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng: Chị Cháng Thị D, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 2 P, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang. (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do phát hiện vợ của mình là chị Cháng Thị D sinh năm 2000 có quan hệ tình cảm với Triệu Dền K, sinh năm 1989, trú tại Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang từ năm 2019 nên ngày 04/01/2022 Min Sử H, sinh năm 1998 đã yêu cầu D sử dụng điện thoại di động của H có số thuê bao 0359.251.613 nhắn tin, gọi điện vào số điện thoại 0365.187.497 của K để hẹn gặp nhau, với mục đích bị cáo H sẽ đánh K để cho thỏa cơn bức tức nhưng không nói cho D biết, mà chỉ nói gặp K để nói chuyện. Đến sáng ngày 05/01/2022 D và K gọi điện cùng thống nhất hẹn gặp nhau vào khoảng 19 giờ cùng ngày tại khu vực gần cổng trời đường liên xã Túng Sán huyện Hoàng Su Phì đi xã Thượng Sơn huyện Vị Xuyên thuộc thôn 1 Hợp Nhất xã Túng Sán, hẹn xong D nói lại địa điểm gặp K cho H biết. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày lúc này trời đã tối, H cầm theo một gậy bằng tre dài khoảng hơn 60cm ở tay trái, rồi điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 23F1: 092.87 là xe của gia đình chở D cùng đi đến địa điểm hẹn gặp K. Do trời đã tối nên D không nhìn thấy H có mang theo đồ vật gì. Khi đi đến vị trí cách nhà ông Cáo Phủ Dền sinh năm 1970 khoảng 25m, thuộc thôn 1 Hợp Nhất xã Túng Sán huyện Hoàng Su Phì thì H dựng xe ở lề đường rồi cùng D đi về hướng như đã hẹn K từ trước. Khi nhìn thấy K thì H lao tới dùng tay phải túm cổ áo của K, tay trái cầm gậy tre vút hai phát liên tiếp trúng vào phần đầu và trán của K làm rách da chảy máu ở vùng trán bên trái, lúc này cây gậy tuột rơi khỏi tay. K liền túm vào áo và đẩy H ngã tựa lưng vào mô đất bên tả luy dương rồi cả hai vật lộn nhau. Thấy vậy D tiến đến dùng tay phải cầm vào áo phía sau của K kéo lên đồng thời dùng tay trái đẩy H ra để can ngăn. Khi H và K cùng đứng dậy đi lên mặt đường tay phải của H vẫn đang túm cổ áo K, tay trái dơ nắm đấm lên định đấm tiếp thì K dơ hai tay lên trước mặt và nói “*thôi tôi xin, có gì nói chuyện tình cảm*”, thấy K

sợ bị đánh tiếp H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của K để có tiền chi tiêu cá nhân, H yêu cầu K đưa tiền và nói với K *“thế thì mày đưa cho tao mười lăm triệu đồng”* lúc này tay phải của H vẫn đang túm cổ áo, tay trái đang giơ nắm đấm lên trước mặt K đe dọa. Do sợ H đánh tiếp nên K trả lời *“bây giờ trong tài khoản tôi chỉ còn tám triệu thôi”*, H đồng ý. K lấy điện thoại ra để chuyển tiền cho H nhưng do sóng điện thoại kém nên H và K cùng đi bộ trên đường hướng cổng trời để dò tìm sóng điện thoại, lúc này K đi trước H đi sát phía sau để phòng K bỏ chạy, D cũng đi theo sau. Trong quá trình di chuyển K xin giữ lại 1.000.000đ (một triệu đồng) để chữa vết thương, H không đồng ý, chỉ cho K giữ lại 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và phải chuyển ngay cho H 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), do lo sợ K đồng ý. Khi đến vị trí có sóng điện thoại lúc này K nói với H về việc gọi người làm chứng khi chuyển tiền, H không đồng ý và nói với K *“tao là người đàn ông, không nói chuyện trẻ con, mày chỉ cần chuyển tiền cho tao xong thì mày về”*, do sợ bị H tiếp tục đánh nên K đồng ý, H đọc số tài khoản ngân hàng của H số 8208205036972 (chủ tài khoản Min Sử H, ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn) cho K. Sau đó K thực hiện thao tác chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình số 8209205260073 (chủ tài khoản Triệu Dùn K, ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn) vào tài khoản ngân hàng của H thông qua số điện thoại 0359251613 của H. Sau khi xác định số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) mà K vừa chuyển đã vào tài khoản của mình thì H và D đi về, K cũng đi về. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên H đã sử dụng hết số tiền 7.460.000đ (bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) vào mục đích chi tiêu cá nhân, như: mua thẻ chơi điện tử qua mạng Internet, mua thẻ điện thoại cho bố là Min Phà T1 và em trai là Min Sử V mỗi người 30.000đ (ba mươi nghìn đồng). Đến thời điểm bị bắt số tiền chiếm đoạt được còn trong tài khoản là 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng), H đã nhờ D rút từ tài khoản ra và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì.

* Vật chứng của vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì đã tạm giữ vật chứng gồm:

- 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, kiểu máy PMX2042, màu trắng, số IMEI 1: 868595040281974, số IMEI 2: 868595 040281974 màn hình điện thoại bị vỡ ở góc dưới bên phải, gắn 01 sim có số thuê bao 0359251xxx, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5 2020, kiểu máy CPH1933, màu xanh bạc, số IMEI 1: 860169041141054, số IMEI 2: 860169041141047 không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, kiểu máy PMX2042, màu đen, số IMEI 1: 868595040281974, số IMEI 2: 868595040281974, gắn 01 sim có số thuê bao 0365187xxx, đã qua sử dụng.

- Số tiền 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng) được để trong 01 (một) phong bì màu trắng có kích thước 11x18,5cm đã được niêm phong có chữ ký của người tham gia và đóng dấu giáp lai của Cơ quan điều tra. Tạm gửi vào kho của Kho bạc Nhà nước Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang.

Hiện số vật chứng trên đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 24/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Min Sữ H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Min Sữ H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại anh Triệu Dùn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Min Sữ H. Về trách nhiệm dân sự: Anh K không yêu cầu bị cáo Min Sữ H trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng khai phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo và diễn biến tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Min Sữ H về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Min Sữ H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Min Sữ H từ 24 tháng đến 36 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, kiểu máy PMX2042, màu đen, số IMEI 1: 868595040281974, số IMEI 2: 868595040281966, gắn 01 sim có số thuê bao 0359.251.613, đã qua sử dụng; Số tiền 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo;

* Trả lại:

+ 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5 2020, kiểu máy CPH1933, màu xanh bạc, số IMEI 1: 860169041141054, số IMEI 2: 860169041141047 gắn 01 sim có số thuê bao 0365.187.497 đã qua sử dụng cho anh Triệu Dền K;

+ 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, kiểu máy CPH2239, màu xanh bạc, số IMEI 1: 862892050919890, số IMEI 2: 862892050919882 không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng cho chị Chàng Thị D.

* Truy thu số tiền 60.000đ (*Sáu mươi nghìn đồng*) trong đó của ông Min Phà T1 30.000đ, của Min Sử V 30.000đ.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo biết hành vi của bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, bị cáo bị truy tố, xét xử là đúng, bị cáo rất hối hận và ăn năn về hành vi vi phạm của mình. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng khoan Hng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có cơ sở khẳng định hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại anh Triệu Dền K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố bị hại đã có lời khai nên sự vắng mặt của anh K không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 và Điều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Min Sử H đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan Cảnh

sát điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng; phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng hơn 19 giờ ngày 05/01/2022, Min Sử H, sinh năm 1998 do nghi ngờ vợ ngoại tình với Triệu Dền K nên đã có hành vi dùng tay phải túm cổ áo, tay trái giơ nắm đấm lên đe dọa nhằm uy hiếp tinh thần của Triệu Dền K, sinh năm 1989, trú Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang chiếm đoạt số tiền 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) của K tại thôn 1 Hợp Nhất, xã Túng Sán, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. ...”

[4] Đánh giá tính chất vụ án: Xét vụ án thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có hành vi đe dọa, uy hiếp bị hại để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước, làm ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng cho người dân. Do đó cần có mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện K tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy bị cáo Min Sử H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hiện nay bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với hành vi gây thương tích của H cho Triệu Dền K do vết thương nhẹ nên K có đơn từ chối giám định tỷ lệ phần trăm thương tích và không đề nghị

xử lý H về hành vi này nên Cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét xử lý về mặt hình sự, về phần bồi thường dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với Min Phà T1, Min Sử V không biết số tiền mà H nạp thẻ điện thoại cho mình là do H phạm tội mà có, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo Min Sử H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, kiểu máy PMX2042, màu đen, số IMEI 1: 868595040281974, số IMEI 2: 868595040281966, gắn 01 sim có số thuê bao 0359.251.xxx, đã qua sử dụng. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo Min Sử H nên cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5 2020, kiểu máy CPH1933, màu xanh bạc, số IMEI 1: 860169041141054, số IMEI 2: 860169041141047 gắn 01 sim có số thuê bao 0365.187.xxx (đã qua sử dụng) đã qua sử dụng là điện thoại của anh Triệu Dùn K không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, kiểu máy CPH2239, màu xanh bạc, số IMEI 1: 862892050919890, số IMEI 2: 862892050919882 không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng là điện thoại của chị Cháng Thị D không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với số tiền 40.000đ (*bốn mươi nghìn đồng*) được để trong 01 (một) phong bì màu trắng có kích thước 11x18,5cm đã được niêm phong có chữ ký của người tham gia và đóng dấu giáp lai của Cơ quan điều tra (*Hiện đang tạm gửi vào kho của Kho bạc Nhà nước Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang*). Đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu số tiền 60.000đ trong đó của ông Min Phà T1 30.000đ, của Min Sử V 30.000đ.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Min Sử H phạm tội “Cuồng đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Min Sử H 18 (*Mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/01/2022.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, kiểu máy PMX2042, màu đen, số IMEI 1: 868595040281974, số IMEI 2: 868595040281966, gắn 01 sim có số thuê bao 0359.251.613, đã qua sử dụng.

+ Số tiền 40.000đ (*bốn mươi nghìn đồng*) được để trong 01 (một) phong bì màu trắng có kích thước 11x18,5cm đã được niêm phong có chữ ký của người tham gia và đóng dấu giáp lai của Cơ quan điều tra (*Hiện đang tạm gửi vào kho của Kho bạc Nhà nước Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang*).

- Trả lại cho anh 01 (*một*) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5 2020, kiểu máy CPH1933, màu xanh bạc, số IMEI 1: 860169041141054, số IMEI 2: 860169041141047 gắn 01 sim có số thuê bao 0365.187.497 (đã qua sử dụng).

- Trả lại chị Cháng Thị D 01 (*một*) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, kiểu máy CPH2239, màu xanh bạc, số IMEI 1: 862892050919890, số IMEI 2: 862892050919882 không gắn thẻ sim.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao giữa Công an huyện Hoàng Su Phì và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, ngày 25/3/2022*).

- Truy thu số tiền 60.000đ (*Sáu mươi nghìn đồng*) trong đó của ông Min Phà T1 30.000đ (*Ba mươi nghìn đồng*), của Min Sử V 30.000đ (*Ba mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Min Sử H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- Công an huyện HSP;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ
- Chi cục THADS huyện HSP;
- Phòng PC 10, PV 06 CA tỉnh HG;
- CQ thi hành án hình sự CA huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện HSP
- Lưu HS - BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phương